

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Tháng 4, năm 2013



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| I. THÔNG TIN CHUNG..... | 2 |
| II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM..... | 9 |
| III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY..... | 12 |
| IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... | 20 |
| V. QUẢN TRỊ CÔNG TY..... | 21 |
| VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH..... | 24 |



I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: 71 Điện Biên Phủ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại: 031. 3745 632
- Số fax: 031. 3745 053
- Website: www.haipharco.com

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- **Việc thành lập**

Ngày 3/3/1961, UBND thành phố ra quyết định số 196/TC-DC thành lập Quốc doanh Dược phẩm Hải Phòng có khoảng 120 CBCNV chức năng nhiệm vụ là bán lẻ và phân phối thuốc theo kế hoạch cho các cơ quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Năm 1963, xí nghiệp Dược phẩm Kiến An được thành lập với chức năng nhiệm vụ sản xuất 1 số thuốc tân dược và đông dược nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu tiêu dùng của nhân dân thành phố.

Năm 1978, xí nghiệp Dược phẩm được quốc doanh và đổi tên thành Công ty Dược phẩm Hải Phòng.

Năm 1980-1981 mô hình kinh tế cấp huyện các cửa hàng được đóng trên địa bàn quận-huyện - thị xã được chuyển giao cho UBND quận - huyện - thị xã quản lý.

Năm 1984 theo quyết định số 668/QĐ-VX ngày 23/6/1984 của UBND thành phố Hải Phòng thành lập xí nghiệp Liên Hiệp Dược Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất Công ty Dược phẩm và Xí nghiệp Dược phẩm Hải Phòng.

Năm 1993 theo quyết định số 388 thành lập DNNN của Chính phủ, UBND thành phố Hải Phòng ra quyết định số 536/QĐ-TCCQ ngày 26/2/1993 thành lập Công ty Dược Hải Phòng (chính là Xí nghiệp Liên hợp dược Hải Phòng được đổi tên mới). Một tháng sau, theo quyết định số 759/QĐ-TCCQ ngày 26/3/1993 của UBND thành phố Hải Phòng sát nhập 13 hiệu thuốc quận –huyện –thị xã vào công ty Dược Hải Phòng. Số lượng CBCNV thời này lên đến 600 người.

- **Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần**

Cuối năm 2005 UBND TP cho phép cổ phần hóa bộ phận chính của Công ty Dược Hải Phòng: XN SXKD dược phẩm. Ngày 01/12/2005 UBND TP Hải Phòng ra QĐ số 2785/QĐ-UBND V/v chuyển XN SXKD dược phẩm HP thuộc Công ty Dược Hải Phòng thành Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng.



Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng chính thức đi vào hoạt động theo Luật DN từ 01/01/2006.

• **Các sự kiện khác**

| Thời điểm | Sự kiện |
|------------|--|
| 01/01/2006 | Công ty được thành lập với vốn điều lệ là 6.850.000.000đ |
| 31/08/2007 | Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 9.990.000.000đ thông qua đợt phát hành 314.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. |
| 31/07/2008 | Vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 15.000.000.000đ thông qua đợt phát hành 501.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. |
| 23/12/2009 | Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 20 tỷ đồng thông qua đợt phát hành 500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo giấy chứng nhận chào bán số 479/UBCK – GCN ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| 23/08/2011 | Vốn điều lệ của công ty tăng lên 30 tỉ thông qua đợt phát hành 1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo giấy chứng nhận chào bán số 88/GCNCB – UBCKNN ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước |

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

• **Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, vacxin, hóa chất, sinh phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và thực phẩm khác, vật tư và máy móc thiết bị.
- ✓ Kinh doanh, gieo trồng và chế biến dược liệu.
- ✓ Pha chế thuốc theo đơn, dịch vụ khám chữa bệnh.
- ✓ Kinh doanh kính mắt, giày dép và các đồ dùng gia đình và cá nhân.
- ✓ Tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược.
- ✓ Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị và kinh doanh bất động sản.

• **Địa bàn kinh doanh**

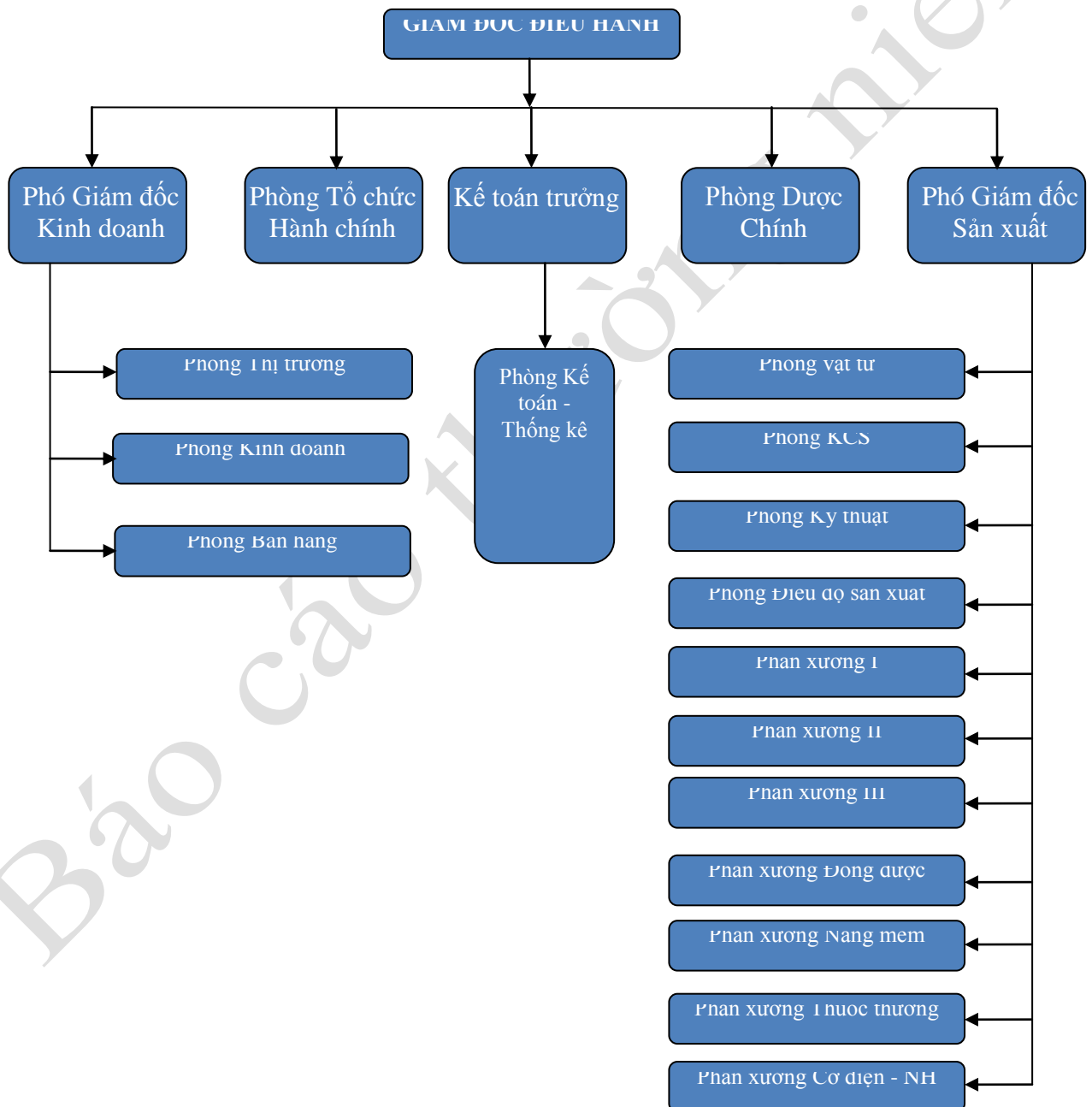
Công ty đóng vai trò là Doanh nghiệp chủ đạo của Ngành Y tế HP trong việc thực hiện chương trình quốc gia về thuốc tại HP, đáp ứng nhu cầu cơ bản (khoảng 70%) nhu cầu thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân TP, góp phần bình ổn giá thuốc trong những năm



qua tại HP. Công ty là DN địa phương duy nhất thực hiện sự chỉ đạo của UBND TP dự trữ đủ cơ số thuốc với chất lượng tốt cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, địch họa, cung ứng kịp thời, trực 24/24 khi có dịch xảy ra (dịch SARS, tiêu chảy cấp, cúm H5N1, H1N1...)

1.4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức Công ty



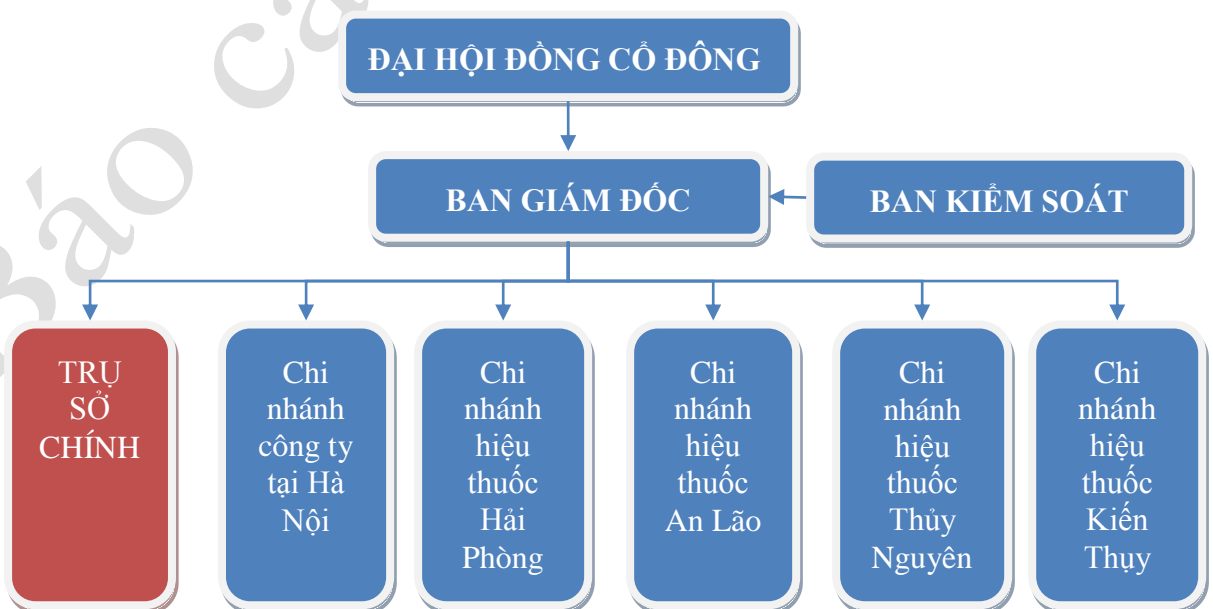


Chức năng chính của các phòng như sau:

- **Phòng tổ chức – hành chính:** Tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, hành chính quản trị, xây dựng cơ bản.
- **Phòng Kinh doanh:** Tham mưu và thực hiện các hợp đồng cung ứng cho khối điều trị công lập (Bệnh viện, Trung tâm y tế,...), cung ứng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần.
- **Phòng Thị trường:** Bán buôn cho các cơ quan, đơn vị, chi nhánh Hiệu thuốc thuộc Công ty, tiếp thị và mở rộng mạng lưới kinh doanh ra các tỉnh, thành phố khác.
- **Phòng Bán hàng:** Tiếp thị và bán buôn các sản phẩm do Công ty sản xuất.
- **Phòng Kế toán – Thống kê:** Thực hiện nhiệm vụ tài chính, kế toán của Công ty, hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ cho bộ phận kế toán các đơn vị thuộc Công ty.
- **Phòng Dược chính:** Tham mưu, tập huấn, kiểm tra công tác chuyên môn dược, huấn luyện thi tay nghề cho công nhân viên.
- **Phòng Vật tư:** Cung ứng vật tư cho sản xuất CN
- **Phòng KCS:** Kiểm tra chất lượng nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, kiểm tra thành phẩm, hàng hóa sản xuất và kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật:** Tham mưu, kiểm tra công tác kỹ thuật, quy trình công nghệ, nghiên cứu ứng dụng, đăng ký sản phẩm mới, ra hạn các sản phẩm sản xuất.
- **Phòng Điều độ sản xuất:** Tham mưu và thực hiện kế hoạch sản xuất được Giám đốc duyệt.

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Sơ đồ 2- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty





✚ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, ĐHCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại Hội đồng cổ đông;
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành, Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định lại giao dịch bán tài sản Công ty hoặc Chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty ghi trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần phát hành;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác của Công ty; ĐHCĐ thường niên được tổ chức một năm một lần trong thời hạn 04 (bốn tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.



✚ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do Đại Hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

✚ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có từ 03 hoặc 05 người do Đại hội cổ đông bầu ra. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban.

✚ Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Công ty hiện nay có một Giám đốc và hai Phó Giám Đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

1.5. Định hướng phát triển

• **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2012 là phải đạt được các chỉ tiêu kế hoạch 2012 mà ĐHCĐ thường niên 2012 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này, Ban lãnh đạo công ty đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2012 và các năm tiếp theo, tập trung vào một số nội dung sau: đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn lực; đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường; triển khai công tác đầu tư phát triển và nghiên cứu khoa học công nghệ, phát triển sản phẩm mới.

• **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

✓ **Phát triển nguồn nhân lực**

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, năng lực quản lý tốt, có tài có đức và yêu nghề.
- Tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, nắm vững và thực hành tốt về các tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP và ISO 9000.



- Có chính sách lương, thưởng hợp lý góp phần thu hút và giữ nhân tài, kích thích sáng tạo ý tưởng mới trong mọi lĩnh vực hoạt động, gia tăng năng suất lao động, đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí v.v..., nhằm gia tăng thị phần và lợi nhuận.
- ✓ **Hoạt động Marketing, quảng bá thương hiệu**
 - Tiếp tục duy trì công tác xây dựng và phát triển thương hiệu HAIPHACO thông qua các hoạt động tham gia hội chợ triển lãm, các phòng y tế quận huyện; các chương trình nhân đạo và công tác xã hội, từ thiện, v.v...
 - Tiếp tục phát triển đội ngũ trình dược viên và đào tạo nhằm tăng năng lực chuyên môn cũng như trình độ nghiệp vụ liên quan đến khách hàng.
 - Tiếp tục củng cố các phân khúc thị trường trọng điểm, tập trung phát triển hệ thống phân phối ở miền Bắc và miền Trung.
 - Quan tâm nhiều đến trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.
- ✓ **Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư**
 - Tiếp tục phát triển các dòng thuốc kháng sinh, thuốc đặc trị và thực phẩm chức năng.
 - Phát triển vườn ươm và vườn nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung cấp và chất lượng nguyên liệu đầu vào.
 - Không ngừng cải tiến chất lượng nhằm thoả mãn cao nhất cho khách hàng mục tiêu.
 - Đầu tư nâng cao cơ sở vật chất kho tàng nhà xưởng và hệ thống nhà thuốc theo tiêu chuẩn GLP – GSP – GPP WHO.

1.6. Các rủi ro:

Hoạt động trong ngành Dược phẩm, Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng khó tránh khỏi một số rủi ro nhất định sau:

- **Rủi ro về cạnh tranh**

Gia nhập WTO mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam cơ hội đồng thời cũng mang lại không ít những thách thức, đặc biệt là sức ép cạnh tranh. Từ ngày 01/01/2009, thị trường bán lẻ dược phẩm trong nước được mở cửa theo đúng lộ trình cam kết khi gia nhập WTO, sự kiện này tạo điều kiện cho doanh nghiệp dược phẩm nước ngoài được quyền xuất nhập khẩu, phân phối thuốc tại Việt Nam. Thực tế này tạo ra nhiều sức ép với thị trường trong nước. Ngoài ra các Công ty dược nước ngoài còn được phép trực tiếp nhập khẩu thuốc không cần thông qua các công ty trung gian để nhập khẩu ưu đãi với mức thuế trung bình 2,5% sẽ dẫn tới giá thuốc nhập khẩu có xu hướng giảm càng gia tăng sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp dược phẩm nước nhà.

- **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào**

Với thực tế hiện tại của ngành dược Việt Nam khoảng 90% lượng nguyên vật liệu đầu vào phải nhập khẩu từ nước ngoài, mặt khác tình hình kinh tế thế giới biến động như hiện nay



giá cả nguyên vật liệu nhập khẩu có nhiều khả năng biến động sẽ tác động trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp.

- **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Đây là rủi ro tác động tới hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong ngành dược phẩm mà nguyên nhân cũng do nguyên vật liệu chủ yếu phải nhập khẩu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2012 là năm rất khó khăn đối với DN SXKD nói chung: Lãi suất Ngân hàng, chi phí đầu vào đều ở mức cao, cạnh tranh gay gắt, hàng hóa tồn kho cao. Thực tế nhiều DN làm ăn kém hiệu quả, suy thoái, phá sản. Như chúng ta đã biết theo phương tiện thông tin đại chúng trên 55 ngàn DN ngừng sản xuất hoặc phá sản trong năm 2012 (bằng 20 năm trước đó). Nhiều DN giữ được không lỗ và đủ việc làm cho người lao động cũng là rất thành công.

Đối với Công ty CP Dược phẩm Hải Phòng cũng gặp phải nhiều khó khăn kể trên và nhiều vấn đề không thuận lợi khác. Thực tế Công ty đã nỗ lực cố gắng để SXKD không lỗ và có đủ việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, làm tròn trách nhiệm với Nhà nước và người lao động với các khoản nộp Ngân sách đầy đủ, quyền lợi của người lao động được đảm bảo.

Bảng 1 – Một số chỉ tiêu kinh doanh 2012

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | K.hoạch năm 2012 | T.hiện năm 2012 | % so với K.hoạch | % so với năm 2011 |
|-----|----------------------------------|----------|------------------|-----------------|------------------|-------------------|
| 1 | Giá trị tổng sản lượng | Tr. đồng | 50.000 | 54.071,6 | 108,14 | 110 |
| 2 | Tổng doanh thu | - | 360.000 | 402.429 | 111,78 | 88,4 |
| | <i>Trong đó:</i> -Doanh thu SX | - | 50.000 | 54.472 | 109 | 115,9 |
| | -Khối KDND | - | | 218.670,4 | | 72,65 |
| | -Khối HT | - | | 103.605,4 | | 121,1 |
| | -CN Hà Nội | - | | 25.681 | | 118,3 |
| 3 | Nộp Ngân sách | - | 4.000 | 4.895,5 | 122,4 | 104,4 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế và chi cổ tức | | | 5.384,8 | | 77,2 |
| 5 | Thu nộp BHXH, BHYT, BHTN | Tr. đồng | | 5.037,4 | | 132,3 |
| 6 | Thu nhập bình quân | Ng.đồng | 3.500 | 3.500 | 100 | 109,4 |
| 7 | Đầu tư mua sắm trang thiết bị | Tr. đồng | | 2.925,23 | | 39,4 |
| 8 | Trả cổ tức | % năm | 15 | 13 | 86,7 | 86,7 |

**2.2. Tổ chức và nhân sự**

Trong năm công ty không có thay đổi về danh sách ban điều hành, cụ thể danh sách ban điều hành tính đến 31/12/2012 như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng CP năm giữ | Tỷ lệ CP năm giữ |
|-----|--------------------|-------------------|---------------------|------------------|
| 1 | Ông Trần Văn Huyền | Tổng Giám đốc | 1.209.540 CP | 40,32 % |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Vẻ | Phó Tổng giám đốc | 80.729 CP | 2,69 % |
| 3 | Ông Vũ Phú Định | Phó Tổng giám đốc | 28.884 CP | 0,96 % |

Tổng số CBCNV trong Công ty tính đến ngày 31/12/2012 là 494 người, Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

| STT | Trình độ lao động | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|----------|-----------|
| 1. | Trình độ Đại học và trên Đại học | 82 | 16,60 |
| 2. | Trình độ Cao đẳng và Trung cấp | 268 | 54,25 |
| 3. | Công nhân kỹ thuật và Lao động phổ thông | 144 | 29,15 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)

Công ty vẫn áp dụng thang bảng lương của DNNN nên các chính sách về tiền lương, tiền thưởng vẫn theo các quy định của Nhà nước, Công ty có vận dụng trợ cấp thu hút từ 1-2 triệu đồng/tháng đối với các lao động có trình độ Đại học một số ngành cần cho SXKD và Công ty đang có nhu cầu như DSDH, CN Hóa, CNKT chính quy, Ngoài ra, đối với lao động ở xa, Công ty có hỗ trợ tiền xăng xe, ăn ca...

2.3. Tình hình tài chính**Bảng 2 – Các chỉ tiêu chung 2012**

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm |
|-----|----------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 227.330.512.496 | 225.400.835.053 | -0,8% |
| 2 | Doanh thu thuần | 448.873.689.743 | 394.671.691.687 | -12,1% |
| 3 | Lợi nhuận từ HĐKD | 12.637.912.931 | 11.449.516.311 | -9,4% |
| 4 | Lợi nhuận khác | (22.614.830) | 950.698.792 | -4.303,9% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 12.615.298.101 | 12.400.215.103 | -1,7% |



| | | | | |
|---|--------------------------|---------------|---------------|-------|
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 9.448.125.841 | 9.284.793.857 | -1,7% |
| 7 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.149 | 3.095 | -1,7% |

Bảng 3 – Một số chỉ tiêu tài chính

| | Đơn vị tính | Năm 2011 | Năm 2012 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ NH) | Lần | 1,33 | 1,36 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH | - | 1,13 | 1,16 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản | - | 0,73 | 0,70 |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | - | 2,64 | 2,64 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq) | Vòng | 14,77 | 11,96 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | - | 1,97 | 1,75 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 2,1 | 2,4 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH | - | 15,1 | 13,9 |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS | - | 4,2 | 4,1 |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | - | 2,8 | 2,9 |

2.4. Cơ cấu cổ đông:**Bảng 4 - Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 31/12/2012**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------|-----------------------|------------------|------------------|-----------------------|-------------|
| Trong nước | | | | | |
| 1 | <i>Tổ chức</i> | 1 | 350.000 | 3.500.000.000 | 11,67 % |
| 2 | <i>Cá nhân</i> | 392 | 2.650.000 | 26.500.000.000 | 88,33 % |
| | Cá nhân trong Công ty | 375 | 2.310.884 | 23.108.840.000 | 77,03 % |
| | Cá nhân ngoài Công ty | 17 | 339.116 | 3.391.160.000 | 11,30 % |
| | Tổng | 393 | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 100% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)

- **Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước**
Không có



- **Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập**

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị | Tỷ lệ |
|-----|----------------|------------------|----------------|---------|
| | | | (Đồng) | (%) |
| 1 | Trần Văn Huyền | 1.209.540 | 12.095.400.000 | 40,32 % |
| 2 | Trần Thị Oanh | 60.000 | 600.000.000 | 2,00 % |
| 3 | Bùi Quang Hưng | 58.950 | 589.500.000 | 1,97 % |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng)

Theo quy định tại Điều 84 khoản 5 Luật doanh nghiệp, sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty đã được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

- **Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài:**

Không có

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Qua các số liệu các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được của năm 2012 cho thấy trong năm qua ngoài chỉ tiêu doanh thu khối KDND và lợi nhuận đạt trên 70% so với năm 2011, trả cổ tức 13% so với 15% của năm 2011, còn các chỉ tiêu khác đều vượt so với kế hoạch cũng như năm 2011. Có được kết quả đó là do tất cả các khối sản xuất kinh doanh của Công ty đều nỗ lực, cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.

*** Thứ 1: Khối kinh doanh:**

Năm 2012, Công ty cùng các chi nhánh đã đầu tư, nâng cấp để đạt tiêu chuẩn GPs với mức đầu tư gần 3 tỷ đồng nhằm đảm bảo đúng tiến độ do Bộ y tế và chỉ đạo của Sở Y tế. Đến nay hầu hết các cơ sở kinh doanh của Công ty như: khu 71 Điện Biên Phủ, Trung tâm bán buôn 14 Ký con, Hiệu thuốc Hải Phòng, Hiệu thuốc Thủy Nguyên, Hiệu thuốc An Lão, Hiệu thuốc Vĩnh Bảo, Hiệu thuốc Kiến An, Hiệu thuốc Kiến Dương và Chi nhánh Công ty tại Hà Nội,... đều đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phân phối thuốc GDP và 270 quầy bán lẻ đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc GPP. Đây là một nỗ lực rất lớn của Công ty.

2. Trung tâm bán buôn: Có thể nói Trung tâm bán buôn hoạt động chịu nhiều áp lực cạnh tranh rất lớn với các hệ thống bán buôn của các Chi nhánh công ty lớn trong toàn quốc như: Công ty CP Dược Hậu Giang, TWII, XN Dược phẩm TWI, Công ty CP Dược Cửu Long, Trapharco,... và rất nhiều các Công ty tư nhân, cổ phần khác trên địa bàn Hải Phòng. Nhiều Công ty trước đây phân phối qua Trung tâm nay tách quầy ra tự phân phối hoặc trực tiếp phân phối tới các cơ sở bán lẻ làm giảm đáng kể doanh thu của Trung tâm.



Trung tâm bán buôn cũng luôn đổi mới cách thức hoạt động, cách thức phân phối, tìm kiếm thêm đối tác mới,... để thích ứng với sự cạnh tranh, đặc biệt tận dụng lợi thế của Công ty đó là các khối kinh doanh khác như: khối bán lẻ, khối sản xuất, khối cung ứng cho các bệnh viện, Chi nhánh Hà Nội để cùng phối hợp hỗ trợ phát triển.

Doanh số năm 2012 của Trung tâm 26,55 tỷđ bằng 90% so với năm 2011.

3. Bộ phận bán hàng sản xuất Công ty: Hàng sản xuất của Công ty còn đơn giản, chủ yếu là các mặt hàng truyền thống, số lượng mặt hàng còn ít do Công ty mới xây dựng xong nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, khoảng 40 mặt hàng đăng ký mới chưa được thẩm định xong để cấp số mới. Tuy nhiên sản lượng sản xuất của Công ty cho từng mặt hàng là rất lớn và hàng sản xuất đến đâu hầu như bán hết đến đó, lượng tồn kho là không đáng kể. Điều đó khẳng định hệ thống bán hàng sản xuất cũng đã theo kịp được thị trường, song để đáp ứng tình hình mới cần phải cải tổ nhiều kể cả nhân sự và chiến lược marketing. Bộ phận bán hàng sản xuất đã triển khai 2 mảng thị trường: Trong thành phố và ngoài thành phố.

*Trong thành phố: Tổ chức bán hàng theo 2 phương thức:

-Đưa hàng do Công ty sản xuất vào các Hiệu thuốc và trực tiếp xuống quầy bán lẻ.

-Kết hợp với phòng Kinh doanh để đưa hàng do Công ty sản xuất vào hệ thống điều trị tại Hải Phòng.

*Ngoài thành phố:

-Tổ chức tới các cơ sở bán buôn, bán lẻ tại Hà Nội và các tỉnh khác ở miền Bắc như:

| Stt | Thị trường | DT năm 2012 (trđ) |
|-----|--------------------------|----------------------|
| 1 | Thành phố Hà Nội | 29.227 |
| 2 | Thành phố Hải Phòng | 11.246 |
| 3 | Tỉnh Thái Bình | 883 |
| 4 | Tỉnh Nam Định | 1360 |
| 5 | Tỉnh Ninh Bình | 1.056 |
| 6 | Tỉnh Thanh Hoá | 3480 |
| 7 | Tỉnh Nghệ An | 783 |
| 8 | Tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh | 1852 |
| 9 | Tỉnh Quảng Bình, Đà Nẵng | 662 |
| 10 | Thành phố HCM | 3923 |
| | Tổng cộng | 54.472 |

Ở miền Nam có đầu mối phân phối hàng sản xuất tại TP. HCM. Như vậy hàng sản xuất của Công ty đã lưu thông trên toàn quốc.

Năm 2012 bộ phận bán hàng sản xuất đã cố gắng tiếp thị và bán được trên 54 tỷđ vượt 10 tỷđ so với năm 2011, với doanh thu này Công ty đã tạo đủ công ăn việc làm cho trên 200 CBCNV khối SXCN.

4. Chi nhánh Công ty tại Hà Nội: Ngày càng mở rộng địa bàn kinh doanh là nơi chủ lực bán hàng sản xuất của Công ty. Năm 2012 doanh số Chi nhánh đạt 25.681 triệu đồng hàng do Công ty sản



xuất vượt 4tỷđ so với năm 2011, đã đảm bảo được lương, chi phí hoạt động của Chi nhánh và có hiệu quả.

5. Về hoạt động cung ứng thuốc cho cơ sở y tế công lập tại Hải Phòng:

Đây cũng là mảng hoạt động ngày càng khó khăn và cạnh tranh khốc liệt để được cung ứng cho các bệnh viện, bên cạnh đó các bệnh viện nợ quá hạn tiền thuốc từ 1 đến 3 tháng thậm chí đến 5 - 6 tháng nên gây khó khăn và hiệu quả cho Công ty, song Công ty đã cung ứng thuốc đầy đủ kịp thời cho các cơ sở điều trị.

6. Trong năm 2012 Công ty cùng với các đơn vị trong ngành y tế dưới sự chỉ đạo của UBND TP, Sở y tế đã làm tốt công tác chống dịch khi có dịch xảy ra. Mặc dù đang khó khăn về vốn cho hoạt động SXKD, song Công ty luôn giành một phần vốn chết cho công tác dự trữ các cơ sở thuốc và hóa chất chống dịch cho thành phố. Trong những năm qua và năm 2012 Công ty đã cung ứng kịp thời thuốc và hóa chất cho các quận, huyện để triển khai chống dịch.

***Thứ 2: Khôi hiệu thuốc:**

Như trên đã nói, năm 2012 là năm rất khó khăn đối với các cơ sở kinh doanh và khôi hiệu thuốc của Công ty cũng không nằm ngoài khó khăn chung ấy, đặc biệt cạnh tranh với các hệ thống bán lẻ của tư nhân ngày càng nhiều. Tuy nhiên với sự nỗ lực của CBNV doanh thu khôi Hiệu thuốc năm 2012 tăng 21% so với năm 2011, cụ thể như sau:

| <i>Stt</i> | <i>Doanh thu</i> | <i>Năm 2012 (trđ)</i> | <i>Tỷ lệ so với năm 2011 (%)</i> |
|------------|------------------|---------------------------|--|
| 1 | HT Hải Phòng | 54.130,3 | 124,7 |
| 2 | HT An Lão | 23.965,7 | 126,3 |
| 3 | HT Thủy Nguyên | 13.234,3 | 98,5 |
| 4 | HT Kiến Dương | 5.341,5 | 108 |
| 5 | HT Kiến An | 5.126,5 | 121 |
| 6 | HT Vĩnh Bảo | 1.807,1 | 314 |
| | Tổng cộng | 103,605,4 | 121 |

Trong năm 2012 hầu hết các quầy thuốc trên địa bàn các quận đều được đầu tư, nâng cấp để đạt tiêu chuẩn GPP, đến thời điểm này được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Quầy thuốc tốt cho 270 quầy, trong đó HT Hải Phòng 135 quầy, HT Kiến An 55 quầy, HT An Lão 22 quầy, HT Thủy Nguyên 20 quầy, HT Kiến Dương 39 quầy, hiện nay các Hiệu thuốc vẫn đang tích cực triển khai thâm định các quầy còn lại trên địa bàn của mình.

Các Hiệu thuốc tập trung khai thác nguồn hàng từ Công ty nhiều hơn, lấy nhiều hàng do Công ty sản xuất và đã hoàn thành đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế cơ bản như: Nộp thuế, BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp, chi phí khoán, thu nhập ổn định và tăng so với năm 2011.

Công tác chuyên môn của các quầy bán lẻ và của Hiệu thuốc luôn được Công ty quan tâm. Các MDV thường xuyên được tập huấn các lớp do Sở Y tế và Công ty tổ chức, đi sâu vào các tiêu chuẩn GPs.



***Thứ 3: Sản xuất công nghiệp**

-Thực hiện yêu cầu của Bộ Y tế và chỉ đạo của Sở Y tế HP. Trong những năm qua Công ty đã đầu tư rất nhiều để các cơ sở SXKD của Công ty đạt các tiêu chuẩn GPs.

-Công ty đã đầu tư cơ sở sản xuất công nghiệp nhiều tỷ đồng đến nay đã đạt được 3 dây chuyền: Sản xuất thuốc nhỏ mắt nhỏ mũi, sản xuất viên nén non- β -lactam đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, mới lắp đặt và thẩm định xong dây chuyền nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, bên cạnh đó là phòng Kiểm tra chất lượng thuốc đạt tiêu chuẩn GLP, hệ thống kho bảo quản đạt tiêu chuẩn GSP.

-Hiện nay Công ty đang triển khai đầu tư (đã xây xong tầng 1) dây chuyền sản xuất đông dược, thuốc dùng ngoài, ống uống diện tích mặt bằng đạt $1,8m^2$. Dự kiến cuối năm 2014 hoàn thành để đi vào hoạt động.

-Do Nhà máy của Công ty hoàn thiện GMP đi vào hoạt động chậm so với các Công ty các tỉnh (do cổ phần hóa, cơ sở sản xuất Kiến An nằm trong quy hoạch) nên chịu áp lực rất lớn của cạnh tranh và lựa chọn dòng sản phẩm. Hiện nay Công ty vẫn đang triển khai sản xuất khoảng 30 mặt hàng cũ và có khoảng 40 sản phẩm mới đang xin đăng ký ở Bộ Y tế, Công ty đang bổ sung tài liệu để được cấp số đăng ký.

Công ty cũng đã nghiên cứu thay đổi mẫu mã, chất lượng cho sản phẩm truyền thống và cũng đã được thị trường chấp nhận và tin dùng.

Nhìn chung trong những năm qua doanh thu sản xuất của Công ty khoảng gần 60 tỷđ do Công ty trực tiếp phân phối (không kể doanh thu gia công) nên tạo đủ công ăn việc làm cho 220 công nhân trực tiếp sản xuất và khấu hao theo kế hoạch cho Nhà máy.

Sản lượng lớn chủ lực của Công ty hiện nay là các thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi với sản lượng rất lớn so với nhiều nhà máy khác là gần 100.000 lọ / ngày.

- Về đầu tư con người: Công ty đã trả lương cao cho các cán bộ chủ chốt và các lao động có trình độ nhằm thu hút lao động có kỹ thuật.

- Từng bước đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, học tập quy trình công nghệ mới, tập huấn các SOP, nâng cao tác phong công nghiệp cho công nhân sản xuất.

- Nghiên cứu thay đổi đối với sản phẩm truyền thống của Công ty như: mẫu mã, bao bì, chất lượng thuốc, giảm giá thành để tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm Công ty trên thị trường.

***Thứ 4: Các công tác khác**

+ Về công tác chính sách xã hội: Thu nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp kịp thời, không nợ đọng, năm 2012 thu nộp 4.851 triệuđ bằng 127% so với năm 2011, giải quyết tốt chế độ chính sách cho người lao động: nghỉ hưu 17 trường hợp, chấm dứt HĐLĐ 19 trường hợp, chuyển công tác 4 trường hợp thanh toán chế độ ốm đau, thai sản thực hiện đúng chính sách.

+ Công ty đã động viên CBCNV tích cực ủng hộ các quỹ từ thiện do các cấp các ngành phát động gần 100 triệu đồng, tặng quà cho các cháu con CNVC-LĐ và học sinh giỏi năm học 2011-2012 gần 90 triệu đồng, tặng quà cho thương binh, con liệt sĩ nhân ngày Lễ, Tết, tặng quà



nữ CNVC và trợ cấp khó khăn đột xuất cho CBCNV bị rủi ro, bệnh nặng với số tiền 28,5 triệu đồng.

+ Năm 2012 Đảng ủy Công ty được công nhận Trong sạch vững mạnh, Công đoàn Công ty được Liên đoàn lao động thành phố tặng Bằng khen CD cơ sở Vững mạnh xuất sắc.

Với các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đạt được cùng với làm tốt công tác đoàn thể, xã hội, mặc dù chỉ tiêu thực lãi chỉ bằng 77% năm 2011, song so với mặt bằng xã hội có nhiều doanh nghiệp rất khó khăn thì có thể nói năm 2012 là một năm thành công của Công ty và Công ty cũng đã làm tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND, Sở Y tế HP giao cho Công ty, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố trong năm 2012 của Sở Y tế. Có được kết quả trên, đó là nỗ lực rất lớn của tập thể lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty và sự giúp đỡ của các ban ngành, của Sở Y tế HP và các đơn vị khám chữa bệnh trong thành phố. Để biểu dương sự nỗ lực và giúp đỡ đó đề nghị các đồng chí nhiệt liệt hoan nghênh.

Trên cơ sở thành quả đạt được trong năm 2012, Công ty đề ra 1 số chỉ tiêu kinh tế và phương hướng hoạt động chính của Công ty trong năm 2013.

3.2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng 5 – Tình hình tài sản tại 31/12/2012

| Tài sản | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 46.543.653.631 | 31.265.396.636 | 15.278.256.995 |
| Nhà cửa, vật tư kiến trúc | 14.356.655.826 | 5.470.423.344 | 8.886.232.482 |
| Máy móc thiết bị | 26.622.484.515 | 20.766.622.083 | 5.855.862.432 |
| Phương tiện vận tải truyền dẫn | 4.444.220.092 | 3.974.813.102 | 469.406.990 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1.120.293.198 | 1.053.538.107 | 66.755.091 |
| Tài sản cố định vô hình | 54.600.000 | 54.600.000 | 0 |
| Tổng cộng | 46.598.253.631 | 31.319.996.636 | 15.278.256.995 |

Bảng 6 – Tình hình đất đai tại 31/12/2012

| TT | Địa điểm | Diện tích (m ²) | Thời điểm bắt đầu thuê | Năm | Loại hình |
|----|--|-----------------------------|------------------------|-----|-----------|
| 1 | Số 1 Tây Sơn, Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng | 13.650 | 1960 | 50 | Lâu dài |
| 2 | Số 71 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng | 1.152 | 1990 | | - |
| 3 | Số 164 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng | 57,51 | 1960 | | - |



| | | | | | |
|----|---|-------|------|----------|----------------|
| 4 | Số 10/40 Tây Sơn, Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng | 30 | 1980 | | - |
| 5 | Số 4 Điện Biên Phủ, Ngô Quyền, Hải Phòng | 122 | 1990 | Thuê nhà | Công ty KD Nhà |
| 6 | Số 14 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng | 350 | 1990 | - | - |
| 7 | Số 17 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng | 160 | 1990 | - | - |
| 8 | Số 2 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng | 48 | 1990 | - | - |
| 9 | Số 61 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng | 95 | 1990 | - | - |
| 10 | Số 114 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng | 31 | 1990 | - | - |
| 11 | Số 62 Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng | 41,5 | 1990 | - | - |
| 12 | Số 85 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng | 70 | 1990 | - | - |
| 13 | Số 117 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng | 135 | 1990 | - | - |
| 14 | Số 48 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng | 53 | 1990 | - | - |
| 15 | Số 49 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng | 64 | 1990 | - | - |
| 16 | Chi nhánh HT Hải Phòng (gồm Kiến An, An Hải, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Đồ Sơn) | 2.500 | 1990 | - | Lâu dài |
| 17 | Chi Nhánh HT Kiến Thụy | 160 | 1990 | - | - |
| 18 | Chi Nhánh Hiệu thuốc Thủy Nguyên | 500 | 1990 | - | - |
| 19 | Chi Nhánh Hiệu thuốc An Lão | 450 | 1990 | - | - |

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 7 - Tình hình công nợ phải thu tính đến 31/12/2012

Đơn vị: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2012 | 31/12/2011 | % tăng, giảm |
|-------------------------|----------------|-----------------|--------------|
| Phải thu từ khách hàng | 95.813.629.833 | 114.414.465.709 | -16,26% |
| Trả trước cho người bán | 0 | 47.606.611 | - 100,00% |
| Phải thu nội bộ | 0 | 0 | |



| | | | |
|---------------------------|-----------------------|------------------------|----------------|
| Phải thu khác | 515.504.473 | 323.295.073 | 59,45% |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 0 | -180.688.158 | - 100,00% |
| PHẢI THU NGẮN HẠN | 96.329.134.306 | 114.604.679.235 | -15,95% |
| PHẢI THU DÀI HẠN | 2.556.147 | | |
| TỔNG | 96.331.690.453 | 114.604.679.235 | -15,94% |

Bảng 1 - Tình hình công nợ phải trả tính đến 31/12/2012

| Chỉ tiêu | 31/12/2012 | 31/12/2011 | % tăng, giảm |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|--------------|
| Phải trả người bán | 122.124.489.498 | 126.392.921.605 | -3,38% |
| Người mua trả tiền trước | 16.958.947 | 0 | |
| Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 2.915.421.234 | 2.608.860.736 | 11,75% |
| Phải trả người lao động | 3.160.443.219 | 74.730.172 | 4129,14% |
| Chi phí phải trả | 119.595.550 | 127.938.957 | -6,52% |
| Các khoản phải trả khác | 2.421.875.426 | 5.898.815.376 | -58,94% |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 3.323.722.705 | 3.223.828.954 | 3,10% |

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Công ty hiện nay có một Giám đốc và hai Phó Giám Đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------|----------------|
| 1 | Ông Trần Văn Huyền | Giám Đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Vê | Phó Giám Đốc |
| 3 | Ông Vũ Phú Định | Phó Giám Đốc |
| 4 | Bà Trần Thị Oanh | Kế toán trưởng |



Tóm tắt sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban giám đốc

ÔNG TRẦN VĂN HUYẾN

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ông sinh ngày 29/01/1961.

Ông đã tốt nghiệp bằng Dược sỹ đại học. Số cổ phần sở hữu của ông tại Công ty là **1.209.540 CP** tương ứng với tỷ lệ 40,32 %

ÔNG VŨ PHÚ ĐỊNH

Phó Giám đốc

Ông sinh ngày 11/4/1976.

Ông đã tốt nghiệp bằng cử nhân Đại học Kinh tế quốc dân. Ngoài chức vụ Phó Giám đốc, ông còn kiêm Trưởng phòng Kinh doanh, Trưởng ban kiểm soát Công ty. Số cổ phần sở hữu của ông tại Công ty là **28.884 CP** tương ứng với tỷ lệ 0,96 %

ÔNG NGUYỄN VĂN VẼ

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc.

Ông sinh ngày 28/12/1962.

Ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế. Hiện ông sở hữu **80.729 CP** tương ứng với tỷ lệ 2,69 %.

BÀ TRẦN THỊ OANH

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Bà sinh ngày 04/12/1960.

Bà tốt nghiệp Cử nhân kinh tế. Hiện bà sở hữu **60.000 CP** tương ứng với tỷ lệ 2,0 %.

3.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tổng doanh thu: 400 tỷ đồng

Trong đó: Kinh doanh nội địa : 345 tỷđ.

Sản xuất công nghiệp : 55 tỷđ.

2. Các khoản nợ ngân sách: 4 tỷ đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế tăng 5% năm 2012

4. Thu nhập bình quân: 3.500.000 đồng/người/tháng.

5. Trả cổ tức 10 %/năm

6. Thu nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ, kịp thời.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng là cơ quan lãnh đạo đề ra chiến lược và kế hoạch phát triển của Công ty, đề ra các mục tiêu trong hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật (Luật Doanh nghiệp) và Điều lệ hoạt động Công ty.

Trong năm 2012 HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp về các vấn đề sau:

-Hàng quý bàn các biện pháp thực hiện NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên về chỉ tiêu kế hoạch SXKD, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đó.

-Thống nhất phương án phân chia lợi nhuận, trả cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông duyệt.

-Bàn bạc thống nhất tiến trình hoàn thiện, thẩm định và được Bộ y tế công nhận Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-WHO cho 3 dây chuyền thuốc nhỏ mắt, mũi, thuốc viên và dây chuyền thuốc nang mềm, Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận "Thực hành tốt bảo quản thuốc" (GSP) cho hệ thống kho khu vực SXCN.

-Thống nhất mức thưởng trong quỹ lương nhân dịp các ngày Lễ, Tết, tiền ăn ca cho CBCNV theo quy chế hoạt động SXKD của Công ty.

-Lập Hồ sơ và bổ sung mã ngành nghề kinh doanh và xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty - Hiệu thuốc, các điểm kinh doanh của Công ty và các Hiệu thuốc để thẩm định tiêu chuẩn Quầy thuốc tốt GPP.

-Kiện toàn bộ máy các đơn vị trực thuộc, chuyển công tác, bố trí cán bộ ở những khâu trọng yếu để hoạt động SXKD có hiệu quả.

-Chỉ đạo việc triển khai đầu tư xây dựng PX Đông dược thực hiện lộ trình của Bộ Y tế đạt tiêu chuẩn GMP, kinh doanh phải đạt tiêu chuẩn GDP, GPP, tổ chức việc soạn thảo và huấn luyện quy trình thao tác chuẩn (SOP) GMP, GDP và GPP cho CBCNV.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần không nhỏ vào sự ổn định, phát triển của Công ty sau hơn 7 năm cổ phần hoá. Các thành viên HĐQT đều là những cán bộ kiêm nhiệm các chức vụ lãnh đạo chủ chốt Công ty: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng nghiệp vụ:

1. DS Trần Văn Huyền - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty giữ vững sự ổn định, phát triển SXKD, nộp ngân sách tăng 4,4%, thu nhập bình quân của người lao động cũng được cải thiện, tăng 9,4% so với năm 2011.

2. Ông Nguyễn Văn Vê - uỷ viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Trung tâm bán buôn phụ trách kinh doanh, bán buôn cho các cơ quan, đơn vị, các Hiệu thuốc



thuộc Công ty, đơn đốc việc mua hàng và bán hàng sản xuất của Công ty, chú trọng chỉ tiêu hàng định hướng, mở rộng thị trường trong và ngoài thành phố.

3. Bà Trần Thị Oanh - Phó chủ tịch kiêm Kế toán trưởng Công ty đã tích cực tháo gỡ khó khăn về vốn cho SXKD, cho đầu tư thực hiện lộ trình của Bộ Y tế về các tiêu chuẩn GMP, GDP, GSP, GLP, tăng cường thu hồi công nợ, hướng dẫn nghiệp vụ cho kế toán chính các Chi nhánh thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về công tác kế toán-TK và quản lý tài chính ở đơn vị cũng như Công ty.

4. Ông Bùi Quang Hưng - uỷ viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Bà Nguyễn Thị Phương Hoa - uỷ viên HĐQT Trưởng phòng Kinh doanh đều phát huy được trình độ, năng lực của mình làm tốt nhiệm vụ uỷ viên HĐQT, tham mưu cho HĐQT, Ban giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của phòng, thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do Đại Hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|------------------------------------|
| 1 | Trần Văn Huyền | Chủ tịch HĐQT – Giám đốc |
| 2 | Trần Thị Oanh | Phó chủ tịch HĐQT – Kế toán trưởng |
| 3 | Nguyễn Văn Vẻ | Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc |
| 4 | Bùi Quang Hưng | Ủy viên HĐQT |
| 5 | Nguyễn Thị Phương Hoa | Ủy viên HĐQT |

✓ **Hoạt động của HĐQT**



Trong năm qua tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được ghi chép vào sổ thành Nghị quyết và được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua. Theo thống kê 1 năm qua có 10 cuộc họp bàn về những vấn đề ghi ở phần trên. Tuy đã có nhiều cố gắng song HĐQT vẫn còn tồn tại, đó là: Các cuộc họp HĐQT phải được thông báo trước 07 ngày, nhưng thực tế chỉ là 2-3 ngày hoặc đột xuất do cấp thiết của việc điều hành hoặc xử lý những phát sinh.

✓ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp của HĐQT**

| TT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ năm giữ |
|----|-----------------------|------------------------------------|--------------------------|---------------|
| 1 | Trần Văn Huyền | Chủ tịch HĐQT – Giám đốc | 1.209.540 | 40,32 % |
| 2 | Trần Thị Oanh | Phó chủ tịch HĐQT – Kế toán trưởng | 60.000 | 2,00 % |
| 3 | Nguyễn Văn Vẻ | Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc | 80.729 | 2,69 % |
| 4 | Bùi Quang Hưng | Ủy viên HĐQT | 58.950 | 1,97 % |
| 5 | Nguyễn Thị Phương Hoa | Ủy viên HĐQT | 53.471 | 1,78 % |

✓ **Thù lao của HĐQT (được thông qua tại ĐHĐCĐ hàng năm)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hệ số: 1

Phó CT Hội đồng quản trị: Hệ số: 0,7

Thành viên Hội đồng quản trị: Hệ số: 0,5

Mức lương BQ thực hiện từng năm * Hệ số

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có từ 03 hoặc 05 người do Đại hội cổ đông bầu ra. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán, thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :



| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1 | Vũ Phú Định | Trưởng Ban Kiểm Soát |
| 2 | Vũ Thị Hoa | Thành viên Ban Kiểm Soát |
| 3 | Nguyễn Thị Hương | Thành viên Ban Kiểm Soát |

✓ **Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2011.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời dự.
- Xem xét các báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa năm và khi kết thúc năm do Ban Giám đốc điều hành lập báo cáo.
- Xem xét các báo cáo của các tổ chức tư vấn niêm yết và tổ chức kiểm toán.
- Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, Ban Kiểm soát tổ chức các cuộc họp thông qua các nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội cổ đông thường niên, thông qua kế hoạch triển khai công tác kiểm tra giám sát trong năm, các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi thường xuyên về các hoạt động của công ty và hỗ trợ nhau trong công việc.
- Để tham gia trong công tác quản trị công ty, các đợt kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát đều có kết quả phân tích, đánh giá sơ bộ. Các ý kiến quan trọng của các thành viên Ban Kiểm soát về tình hình quản lý, hoạt động của các đơn vị đều được lập bằng văn bản trực tiếp gửi đến Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty ... Những công việc phát sinh hàng ngày hoặc đột xuất liên quan đến vấn đề còn tồn tại trong quản lý và điều hành, các thành viên Ban Kiểm soát được trao đổi kịp thời với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan.
- Thăm định báo cáo tài chính công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động điều hành, giám sát hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành.
- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Tổng giám đốc.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát tuân thủ chấp hành luật pháp, tuân thủ Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định của Công ty.

✓ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ vốn góp của BKS**

| TT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|----|-------------|-----------------------|--------------------------|---------------|
| 1 | Vũ Phú Định | Trưởng Ban kiểm soát | 28,884 | 0,96 % |
| 2 | Vũ Thị Hoa | Ủy viên Ban Kiểm soát | 5.308 | 0,18 % |



| | | | | |
|---|------------------|-----------------------|--------|--------|
| 3 | Nguyễn Thị Hương | Ủy viên Ban Kiểm soát | 37.495 | 1,25 % |
|---|------------------|-----------------------|--------|--------|

✓ *Thù lao của BKS (được thông qua tại ĐHĐCĐ hàng năm)*

Trưởng ban kiểm soát: Hệ số: 0,5

Các thành viên Ban kiểm soát: Hệ số: 0,3

Mức lương BQ thực hiện từng năm * Hệ số

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1. Ý kiến kiểm toán

Số: /2013/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập tại ngày 27 tháng 03 năm 2013 và trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở để đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Để đánh giá rủi ro, chúng tôi thực hiện xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp. Việc xem xét này không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiện hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị. Công việc kiểm toán của chúng tôi cũng bao gồm việc đánh giá sự tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Bùi Văn Vương
Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Quỳnh Nga
Kiểm toán viên

**6.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG
Địa chỉ: Số 71, Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 195.518.175.772 | 195.420.739.714 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 29.120.846.073 | 39.678.532.870 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.620.846.073 | 17.078.532.870 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 19.500.000.000 | 22.600.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 40.688.524.000 | 9.000.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.02 | 40.688.524.000 | 9.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 96.329.134.306 | 114.604.679.235 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 95.813.629.833 | 114.414.465.709 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | - | 47.606.611 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.03 | 515.504.473 | 323.295.073 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | - | (180.688.158) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 28.938.594.523 | 29.780.013.520 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.04 | 28.938.594.523 | 29.780.013.520 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 441.076.869 | 2.357.514.089 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 89.400.804 | 125.338.598 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 61.361.341 | 692.125.857 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 26.312.626 | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.05 | 264.002.098 | 1.540.049.634 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 29.882.659.281 | 31.909.772.782 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.556.147 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 15.593.945.640 | 17.402.356.924 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 15.278.256.995 | 17.183.122.378 |
| - Nguyên giá | 222 | | 46.543.653.631 | 43.591.155.518 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (31.265.396.636) | (26.408.033.140) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 54.600.000 | 54.600.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (54.600.000) | (54.600.000) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | 315.688.645 | 219.234.546 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 13.600.000.000 | 13.600.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.08 | 13.600.000.000 | 13.600.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 686.157.494 | 907.415.858 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.09 | 686.157.494 | 907.415.858 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 225.400.835.053 | 227.330.512.496 |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| (Tiếp theo) | | | | Đơn vị tính: VNĐ | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|--|
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 158.784.786.509 | 164.920.221.975 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 143.960.706.579 | 146.751.295.800 | |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.10 | 9.878.200.000 | 8.424.200.000 | |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 122.124.489.498 | 126.392.921.605 | |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 16.958.947 | - | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.11 | 2.915.421.234 | 2.608.860.736 | |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 3.160.443.219 | 74.730.172 | |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.12 | 119.595.550 | 127.938.957 | |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 317 | | - | - | |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - | |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 2.421.875.426 | 5.898.815.376 | |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - | |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 3.323.722.705 | 3.223.828.954 | |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 14.824.079.930 | 18.168.926.175 | |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - | |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | 5.311.576.970 | 5.910.499.004 | |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 2.286.502.960 | 1.419.102.960 | |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.14 | 7.226.000.000 | 9.294.000.000 | |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - | |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 1.545.324.211 | |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 66.616.048.545 | 62.410.290.522 | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 66.616.048.545 | 62.410.290.522 | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.655.903.683 | 4.655.903.683 | |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - | |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | - | - | |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - | |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - | |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 19.578.987.751 | 17.768.031.687 | |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 4.980.739.293 | 4.086.477.653 | |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 2.497.743.568 | 2.061.829.138 | |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 4.902.674.249 | 3.838.048.361 | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 225.400.835.054 | 227.330.512.496 | |



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 71, Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.16 | 402.429.002.250 | 453.999.306.382 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.17 | 7.757.310.563 | 5.125.616.639 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.18 | 394.671.691.687 | 448.873.689.743 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.19 | 351.098.278.727 | 405.630.134.682 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 43.573.412.961 | 43.243.555.061 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.20 | 4.768.935.811 | 5.821.825.571 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.21 | 1.478.797.996 | 1.751.738.361 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.094.929.698 | 1.204.045.566 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 8.256.777.378 | 7.908.731.644 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 27.157.257.087 | 26.766.997.696 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 11.449.516.311 | 12.637.912.931 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1.232.350.762 | 30.776.130 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 281.651.970 | 53.390.960 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 950.698.792 | (22.614.830) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.400.215.103 | 12.615.298.101 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.22 | 3.115.421.246 | 3.167.172.261 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 9.284.793.857 | 9.448.125.841 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | 3.095 | 3.149 |

Hải Phòng, ngày tháng 4 năm 2013

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Phòng

CHỦ TỊCH HĐQT**TRẦN VĂN HUYẾN**